

Bản án số: 442/2022/HS-PT
Ngày: 29-6-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Khoa

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Văn Công

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Hưng, Kiểm sát viên.

Từ ngày 23/6 đến ngày 29/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 461/2021/TLPT-HS ngày 20/7/2021 đối với bị cáo Nguyễn Minh V và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2021/HS-ST ngày 04/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 345/2022/QĐPT-HS ngày 17 tháng 5 năm 2022.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Minh V**, sinh năm 1977 tại tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Thôn 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Nguyên Quyền Giám đốc Ban Quản lý dự án huyện T; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị A; Có vợ là Ngô Thị T và 02 con; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/3/2019 đến ngày 15/01/2020, tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh V: Ông Huỳnh Đ, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Hoài An, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Nông (có mặt).

2. Họ và tên: **Trần Văn T**, sinh năm 1985 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Thôn 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Nguyên Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Thành Đạt Tây Nguyên; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt

Nam; Con ông Trần C và bà Nguyễn Thị H; Có vợ là Nguyễn Thúy O và 02 con; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/3/2019 đến ngày 07/11/2019, tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn T: Ông Hồ Ngọc D, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Hồ Ngọc D, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Họ và tên: **Nguyễn Duy G**, sinh năm 1987 tại tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Thôn 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Nhân viên Ban Quản lý dự án huyện T; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Ngọc L và bà Nguyễn Thị L; Có vợ là Chu Thị N và 02 con; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Duy G: Ông Lê Văn L, là Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:*

Họ và tên: **Trần Văn T**, sinh năm 1993 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Thôn 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Thành Đạt Tây Nguyên; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần C và bà Nguyễn Thị H; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn T: Ông Hồ Ngọc D, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Hồ Ngọc D, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Nguyên đơn dân sự:* Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Tiến L; Chức vụ: Giám đốc Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện T, tỉnh Đắk Nông (vắng mặt).

Người làm chứng (cùng vắng mặt):

1. Ông Trần Mậu V; Địa chỉ: 267/2A Nguyễn Văn Cừ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông Nguyễn Hồ L; Địa chỉ: 279 Phan Anh, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Hoàng Mạnh H; Địa chỉ: 30/1 Nguyễn Xuân Nguyên, phường T, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

4. Ông Đoàn Ngọc B; Địa chỉ: Thôn 3, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

5. Ông Trịnh Trung T; Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn K, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông.

6. Bà Phạm Thị H; Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

7. Ông Nguyễn Ngọc L; Địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/6/2011, UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Quyết định số 808/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi Đắk Ngo thuộc xã Đắk Ngo, huyện T, gồm các hạng mục: công trình đầu mối (đập tràn, cống) và hệ thống kênh tưới (gồm kênh và các công trình trên kênh). Tổng mức đầu tư là 100.571.000.000 (một trăm tỷ, năm trăm bảy mươi một triệu) đồng, giao cho UBND huyện T làm chủ đầu tư. Sau đó, đối với hạng mục công trình đầu mối (đập tràn, cống), UBND huyện T giao cho Phòng Nông nghiệp huyện T làm đại diện chủ đầu tư; Phòng nông nghiệp huyện T đã thực hiện các thủ tục về mặt pháp lý và tổ chức việc triển khai thi công.

Ngày 15/4/2014, sau khi hoàn thành hạng mục giai đoạn 01, UBND huyện T ban hành Quyết định số 357/QĐ-UBND về việc chỉ định Liên danh Công ty TNHH Hòa Phúc Ban Mê và Công ty TNHH tư vấn xây dựng Cao Nguyên là đơn vị tư vấn khảo sát, lập bản vẽ, lập tổng dự toán xây dựng công trình thủy lợi Đắk Ngo, giai đoạn 02, hạng mục: kênh tưới và các công trình trên kênh. Đến ngày 24-9-2015, được UBND tỉnh Đắk Nông phê duyệt với tổng mức đầu tư là 29.244.028.986đ (Hai mươi chín tỷ, hai trăm bốn mươi bốn triệu, không trăm hai mươi tám nghìn, chín trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó: Chi phí xây dựng: 21.310.514.085 đồng; chi phí quản lý dự án: 437.227.817 đồng; chi phí tư vấn ĐTXD: 4.062.728.055 đồng; chi phí khác: 775.010.939 đồng; chi phí dự phòng: 2.658.548.090 đồng.

Chủ đầu tư: UBND huyện T.

Đại diện chủ đầu tư: Ban Quản lý các dự án huyện T.

Ban Quản lý các dự án huyện T do Nguyễn Minh V - Quyền Giám đốc (đại diện chủ đầu tư) tổ chức đấu thầu thi công, đơn vị trúng thầu là Liên danh Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại Thành Đạt Tây Nguyên, do Trần Văn T làm Giám đốc, đại diện theo pháp luật và Công ty TNHH Trí Việt Đắk Nông, do bà Nguyễn Thị Kim T, trú tại tổ 4, phường Nghĩa Tân, thành phố Gia Nghĩa làm Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật (tuy nhiên, mọi hoạt động điều hành, quản lý Công ty TNHH Trí Việt Đắk Nông đều do ông Đoàn Ngọc B - Phó Giám đốc trực tiếp chỉ đạo), giá trúng thầu là 21.718.024.000đ (Hai mươi một tỷ, bảy trăm mười tám triệu, không trăm hai mươi bốn nghìn đồng). Đơn vị tư vấn giám sát là Công ty TNHH tư vấn xây dựng Thiên Vương, địa chỉ: Số 267/2A, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Tân Lập, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, do ông Trần Mậu V làm giám đốc và là người đại diện theo pháp luật. Đến ngày 22-12-2015, đại diện Ban Quản lý các dự án huyện T là Nguyễn Minh V (Quyền Giám đốc), ký hợp đồng thi công với đại diện liên danh Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại Thành Đạt Tây Nguyên và Công ty TNHH Trí Việt Đắk Nông do Trần Văn T và bà Nguyễn Thị Kim T trực tiếp ký hợp đồng. Giá trị hợp đồng là 21.718.024.000đ (Hai mươi một tỷ, bảy trăm mười tám triệu, không trăm hai mươi bốn nghìn đồng)

gồm có 03 phần chính là kênh chính, chiều dài 322m; kênh N1 dài 2.125m và một số cống trên kênh N1; kênh N2 dài 2.336.5m và một số cống trên kênh N2. Thời gian thi công 400 ngày kể từ ngày 22-12-2015.

Sau khi ký kết hợp đồng thi công, Ban Quản lý các dự án huyện T cho đơn vị thi công tạm ứng số tiền 9.471.372.000đ (Chín tỷ, bốn trăm bảy mươi một triệu, ba trăm bảy mươi hai nghìn đồng) tương ứng với 44% giá trị hợp đồng. Mặc dù về hồ sơ pháp lý thì Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại Thành Đạt Tây Nguyên do Trần Văn T làm Giám đốc, người đại diện theo pháp luật, nhưng thực tế do Trần Văn T (anh trai của Thành) là người quản lý, điều hành mọi hoạt động của Công ty. Thảo chỉ giao trách nhiệm cho Thành là người trông coi nguyên vật liệu, đôn đốc công nhân thi công và ký các thủ tục với tư cách đại diện Công ty theo yêu cầu của Thảo. Trước khi tiến hành triển khai thi công, Thảo và ông Đoàn Ngọc B thỏa thuận, ông Đoàn Ngọc B là người thực hiện việc thi công công trình; các thủ tục về mặt pháp lý do Thảo thực hiện. Cùng ngày 22-12-2015, ông Đoàn Ngọc B đưa công nhân và máy móc, phương tiện vào thi công kênh chính. Lúc này ông Trần Mậu V đã chỉ đạo ông Nguyễn Hồ L (nhân viên của ông Vương) giám sát việc thi công. Trong quá trình thi công, tháng 01-2016, Thảo đề nghị tổ chức nghiệm thu khối lượng thi công để thanh toán đợt 01 theo thời gian hợp đồng đã ký kết. Quá trình nghiệm thu có sự tham gia của Trần Văn T (đơn vị thi công), Nguyễn Duy G (cán bộ kỹ thuật Ban Quản lý các dự án huyện T được giao nhiệm vụ giám sát, theo dõi quá trình thi công), Nguyễn Hồ L và Trần Mậu V (đơn vị tư vấn, giám sát). Sau khi nghiệm thu, Giang phối hợp với Hoàng Mạnh H là nhân viên kỹ thuật của Công ty TNHH MTV Thành Đạt Tây Nguyên Đắc Nông lập bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán, biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành (đợt 01) (Hùng chỉ có nhiệm vụ phụ giúp Giang trên cơ sở chỉ đạo của Trần Văn T), sau đó đưa cho Nguyễn Minh V (đại diện chủ đầu tư) và Trần Văn T (đại diện theo pháp luật của Công ty Thành Đạt Tây Nguyên) ký xác nhận. Đến ngày 29-01-2016, Thảo được thanh toán số tiền là 2.436.105.000đ (Hai tỷ, bốn trăm ba mươi sáu triệu, một trăm lẻ năm nghìn đồng), đại diện chủ đầu tư thu hồi tạm ứng toàn bộ số tiền này. Về khối lượng cơ bản kênh chính đã hoàn thành, trong đó chỉ có hạng mục Vận chuyển đất C2 để đắp và đổ đi, cự ly $CL < 300m$, khối lượng $58,86m^3$, số tiền 58.159.712,5 đồng (Năm mươi tám triệu, một trăm năm mươi chín nghìn, bảy trăm mười hai phẩy năm đồng) chưa làm nhưng vẫn được nghiệm thu và đã thanh toán. Đến khoảng tháng 3 năm 2016, giữa ông Đoàn Ngọc B và Thảo xảy ra mâu thuẫn, nên ông Đoàn Ngọc B tự chấm dứt việc liên kết liên danh với Công ty của Thảo.

Đến tháng 4 năm 2016, Thảo tiếp tục cho thi công kênh N1, Thảo thuê ông Trịnh Trung T, địa chỉ tổ dân phố 5, thị trấn K, huyện Đăk R'Lấp thi công, đến khoảng tháng 6 năm 2016, ông Tín thi công được khoảng 300m chiều dài đáy kênh và khoảng 220m chiều dài thành kênh thì không thi công nữa. Lúc này, Thảo đề nghị Ban Quản lý các dự án huyện T tổ chức nghiệm thu, thanh toán tiền thi công đợt 02 cho Thảo. Ban Quản lý các dự án huyện T tiến hành cho nghiệm thu thực tế

để xác định khối lượng thi công, làm căn cứ để thanh toán. Tại buổi nghiệm thu các thành phần tham gia đầy đủ, đúng quy định như Trần Văn T, Nguyễn Duy G, Trần Mậu V và Nguyễn Hồ L. Sau khi nghiệm thu, Giang phối hợp cùng Hùng lập bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán; biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành (đợt 02) đưa cho Vũ và Thành ký xác nhận. Ngày 25-6-2016, Thảo được thanh toán đợt 02 với số tiền 3.715.046.000đ (Ba tỷ, bảy trăm mười lăm triệu, không trăm bốn mươi sáu nghìn đồng), thu hồi tạm ứng số tiền 2.303.330.000đ (Hai tỷ, ba trăm lẻ ba triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng). Trong đó có một số hạng mục còn dang dở chưa làm xong nhưng vẫn được thanh toán gồm: Đào phong hóa tuyến kênh, cơ giới thiếu khối lượng $0,5m^3$, số tiền 332.083,38đ (Ba trăm ba mươi hai nghìn, không trăm tám mươi ba phẩy ba tám đồng); đào đất cấp 2 tuyến kênh để đắp, máy thiếu khối lượng $0,41m^3$, số tiền 407.494,44đ (Bốn trăm lẻ bảy triệu, bốn trăm chín mươi bốn nghìn phẩy bốn mươi bốn đồng); Đào đất cấp 2 mặt bằng tuyến kênh thiếu khối lượng $0,18m^3$, số tiền 144.205,40đ (Một trăm bốn mươi bốn nghìn, hai trăm lẻ năm phẩy bốn đồng); đào xúc đất để đắp tại mỏ vật liệu thiếu khối lượng $106,96m^3$, số tiền 105.249.330,96đ (Một trăm lẻ năm triệu, hai trăm bốn mươi chín nghìn, ba trăm ba mươi phẩy chín mươi sáu đồng); đào rãnh thoát nước thiếu khối lượng $1,54m^3$, số tiền 3.882.640,48đ (Ba triệu, tám trăm tám mươi hai nghìn, sáu trăm bốn mươi phẩy bốn mươi tám đồng); đắp đất cấp phối bờ kênh, cơ giới thiếu khối lượng $12,75m^3$, số tiền 11.132.779,67đ (Mười một triệu, một trăm ba mươi hai nghìn, bảy trăm bảy mươi chín phẩy sáu mươi bảy đồng); đào xúc đất cấp phối để đắp thiếu khối lượng $13,64m^3$, số tiền 15.789.447,67đ (Mười lăm triệu, bảy trăm tám mươi chín nghìn, bốn trăm bốn mươi bảy phẩy sáu mươi bảy đồng); vận chuyển đất cấp phối 02km thiếu khối lượng $13,64m^3$, số tiền 27.412.308đ (Hai mươi bảy triệu, bốn trăm mười hai nghìn, ba trăm lẻ tám đồng). Tổng số tiền được thanh toán là 164.350.335đ (Một trăm sáu mươi bốn triệu, ba trăm năm mươi nghìn, ba trăm ba mươi lăm đồng).

Đến tháng 11 năm 2016, để đảm bảo Kế hoạch giải ngân vốn trong năm, nếu không giải ngân hết thì sẽ bị thu hồi lại vốn theo quy định chung. Mặc dù, Nguyễn Minh V biết khối lượng thi công trên thực tế của đơn vị thi công chưa đảm bảo nhưng vẫn chỉ đạo Nguyễn Duy G phối hợp với đơn vị thi công cụ thể là Trần Văn T, Trần Văn T thanh toán tiếp khối lượng thi công đợt 03 theo giá trị hợp đồng đã ký kết giữa đại diện chủ đầu tư và đơn vị thi công. Ngày 15-11-2016, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Vũ, Giang lập không bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán có chữ ký của Nguyễn Minh V và Trần Văn T. Do không có khối lượng thi công trên thực tế như bảng xác định giá trị khối lượng và do đơn vị tư vấn giám sát không đồng ý ký xác nhận nên Giang không lập biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành, Giang chuyển cho Phạm Thị H (là kế toán của Ban Quản lý các dự án huyện T) bảng xác định giá trị khối lượng này để Huyện lập giấy rút vốn đầu tư có chữ ký xác nhận của Huyện và Vũ. Sau đó, Trần Văn T được thanh toán đợt 3 với tổng số tiền là 3.027.920.699,7đ

(Ba tỷ, không trăm hai mươi bảy triệu, chín trăm hai mươi nghìn, sáu trăm chín mươi chín phẩy bảy đồng), gồm các hạng mục chưa thi công nhưng vẫn lập thủ tục để thanh toán như là đối với kênh chính hạng mục cụm chia nước cuối kênh chưa làm nhưng thanh toán số tiền 81.764.161,42đ (Tám mươi một triệu, bảy trăm sáu mươi bốn nghìn, một trăm sáu mươi một phẩy bốn mươi hai đồng); kênh N1 gồm các hạng mục: Đắp đất hai bên thành kênh thủ công 1.312,27m³, số tiền 186.904.863,22đ (Một trăm tám mươi sáu triệu, chín trăm lẻ bốn nghìn, tám trăm sáu mươi ba phẩy hai mươi hai đồng); đào đất cấp 02 lòng kênh bằng máy 23,66m³, số tiền 56.117.430,24đ (Năm mươi sáu triệu, một trăm mười bảy nghìn, bốn trăm ba mươi phẩy hai mươi bốn đồng); đào móng kênh đất cấp 3 thủ công 111,15m³, số tiền 29.299.151,12đ (Hai mươi chín triệu, hai trăm chín mươi chín nghìn, một trăm năm mươi một phẩy mười hai đồng); lót móng đá 4x6 VXM 50#70,45m³, số tiền 121.958.540,30đ (Một trăm hai mươi một triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn, năm trăm bốn mươi phẩy ba mươi đồng); bê tông đá 1x2, 200# đáy kênh khối lượng 189,42m³, số tiền 378.074.298,06đ (Ba trăm bảy mươi tám triệu, không trăm bảy mươi bốn nghìn, hai trăm chín mươi tám phẩy không sáu đồng); bê tông đá 01x02, 200# thành kênh khối lượng 177,19m³, số tiền 444.228.920,47đ (Bốn trăm bốn mươi bốn triệu, hai trăm hai mươi tám nghìn, chín trăm hai mươi phẩy bốn mươi bảy đồng); bê tông đá 01x02, 200# thanh giằng khối lượng 6,13m³, số tiền 13.568.444,21đ (Mười ba triệu, năm trăm sáu mươi tám nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn phẩy hai mươi một đồng); giấy dầu nhựa đường 2 lớp 99,94m², số tiền 10.883.643,63đ (Mười triệu, tám trăm tám mươi ba nghìn, sáu trăm bốn mươi ba phẩy sáu mươi ba đồng); cốt thép kênh 18,74 tấn, số tiền 457.315.813,08đ (Bốn trăm năm mươi bảy triệu, ba trăm mười lăm nghìn, tám trăm mười ba phẩy không tám đồng); Ván khuôn thép 25,83m², số tiền 402.963.331,22đ (Bốn trăm lẻ hai triệu, chín trăm sáu mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi một phẩy hai mươi hai đồng); ván khuôn thanh giằng 1,02m², số tiền 19.954.191,55đ (Mười chín triệu, chín trăm năm mươi bốn nghìn, một trăm chín mươi một phẩy năm mươi lăm đồng); 04 cống tiêu trên kênh N1 chưa làm, số tiền 197.809.515,12đ (Một trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm lẻ chín nghìn, năm trăm mười lăm phẩy mười hai đồng); 04 cầu qua kênh và 02 bể bơm số tiền 437.772.223,16đ (Bốn trăm ba mươi bảy triệu, bảy trăm bảy mươi hai nghìn, hai trăm hai mươi ba phẩy mười sáu đồng); các cống đầu kênh nhánh trên kênh N1 số tiền 189.306.173,12đ (Một trăm tám mươi chín triệu, ba trăm lẻ sáu nghìn, một trăm bảy mươi ba phẩy mười hai đồng).

Cũng bằng cách thức nêu trên, ngày 30-12-2016, trên cơ sở chỉ đạo của Vũ, Giang tiếp tục lập Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán (không lập biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành, không có chữ ký của đơn vị tư vấn giám sát), bảng xác định giá trị khối lượng này có chữ ký của Nguyễn Minh V và Trần Văn T; Huyền và Vũ ký Giấy rút vốn đầu tư để Trần Văn T được thanh toán đợt 4 với số tiền 3.671.981.717,5đ (Ba tỷ, sáu trăm bảy mươi một triệu, chín trăm tám mươi một nghìn, bảy trăm mười bảy phẩy năm đồng), mặc dù trên thực tế Vũ, Giang, Thảo và Thành đều biết chưa có

khối lượng thi công tiếp theo. Trong đó gồm các hạng mục chưa thi công nhưng vẫn lập các thủ tục để thanh toán gồm cửa van và máy đóng mở kênh chính là 23.005.757,27đ (Hai mươi ba triệu, không trăm lẻ năm nghìn, bảy trăm năm mươi bảy phẩy hai mươi bảy đồng); đối với kênh N1 gồm hạng mục cửa van và máy đóng mở kênh số tiền 13.041.141,38đ (Mười ba triệu, không trăm bốn mươi một nghìn, một trăm bốn mươi một phẩy ba mươi tám đồng) và toàn bộ kênh và công trình trên kênh N2 số tiền 3.635.934.818,89đ (Ba tỷ, sáu trăm ba mươi lăm triệu, chín trăm ba mươi bốn nghìn, tám trăm mười tám phẩy tám mươi chín đồng).

Như vậy, tuy chưa tổ chức thi công nhưng đã nghiệm thu thanh toán khối lượng theo dự thầu được số tiền nêu trên, sau khi nhận được tiền, Thảo đem sử dụng cá nhân, không tổ chức thi công mà để dở dang công trình cho đến sau khi Kiểm toán Nhà nước phát hiện sai phạm, cơ quan điều tra xử lý thì tháng 4 năm 2019, Trần Văn T thuê đơn vị khác vào thi công để khắc phục hậu quả. Tổng số tiền đã được thanh toán 04 đợt vượt so với thực tế thi công là 6.922.412.000đ (Sáu tỷ, chín trăm hai mươi hai triệu, bốn trăm mười hai nghìn đồng). Trong đó thanh toán vượt đợt 1, đợt 2 số tiền 222.510.047đ (Hai trăm hai mươi hai triệu, năm trăm mười nghìn, không trăm bốn mươi bảy đồng) đã được Ban Quản lý các dự án huyện T tổ chức nghiệm thu đúng theo quy định (có đầy đủ các thành phần tham gia; thực hiện các thủ tục như là có lập bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán, biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành, có đầy đủ chữ ký của các bên). Việc chênh lệch giữa khối lượng thực tế thi công và khối lượng đề nghị thanh toán là do sai sót trong quá trình đo đạc thực tế để nghiệm thu, Vũ, Giang, Thảo và Thành không cố ý thực hiện hành vi sai phạm để Thảo được thanh toán. Do đó về trách nhiệm hình sự Vũ, Thảo, Giang và Thành không phải chịu trách nhiệm về sự sai sót này. Đối với việc thanh toán đợt 3, đợt 4 với tổng số tiền 6.699.901.953đ (Sáu tỷ, sáu trăm chín mươi chín triệu, chín trăm lẻ một nghìn, chín trăm năm mươi ba đồng), Vũ, Thảo, Giang và Thành biết rõ chưa có khối lượng thi công trên thực tế nhưng vẫn lập bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán, không có biên bản nghiệm thu, đơn vị tư vấn giám sát không xác nhận khối lượng thi công trên thực tế...nhưng Vũ và Giang vẫn thực hiện thanh toán cho Thảo và Thành. Do đó Nguyễn Minh V, Trần Văn T, Nguyễn Duy G và Trần Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự với khối lượng và số tiền này (đợt 03 và đợt 04).

Tại bản kết luận giám định ngày 30-10-2019 của Giám định viên thuộc Sở Xây dựng tỉnh Đắk Nông kết luận: Tại thời điểm ngày 28-12-2018, tổng chi phí xây dựng khối lượng thi công công trình thủy lợi Đắk Ngo, giai đoạn 02 chưa thi công nhưng đã được chủ đầu tư nghiệm thu, thanh toán cho nhà thầu là 6.922.412.000đ (Sáu tỷ chín trăm hai mươi hai triệu bốn trăm mười hai nghìn đồng). Trong đó:

- Thi công thiếu theo hồ sơ thanh toán đợt 001 là 58.159.712 đồng tiền vận chuyển đất để đắp đê đi;

- Thi công thiếu theo hồ sơ thanh toán đợt 02 là 164.350.335 đồng tiền đào đắp, vận chuyển đất;
- Thi công thiếu theo hồ sơ thanh toán đợt 03 là 3.027.920.699 đồng.
- Thi công thiếu theo hồ sơ thanh toán đợt 04: 3.671.981.716 đồng.

Bản kết luận giám định số 231 ngày 16-12-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận: Chữ ký mang tên Trần Văn T trên tài liệu cần giám định so với chữ ký của Trần Văn T trên tài liệu các bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán lần thứ 01 ngày 30-01-2016; lần thứ 02, ngày 25-6-2016; lần thứ 03, ngày 15-11-2016 và lần thứ 04, ngày 30-12-2016 là do cùng một người ký ra.

Cáo trạng số 54/CT-VKS-P1 ngày 19-8-2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông đã truy tố các bị cáo: Nguyễn Minh V, Trần Văn T, Nguyễn Duy G và Trần Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông truy tố về tội: “Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại khoản 3 Điều 224 của Bộ luật Hình sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã trả hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông 02 lần, tuy nhiên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với các bị cáo.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2021/HS-ST ngày 04/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã tuyên xử:

[1] Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Minh V, Nguyễn Duy G, Trần Văn T và Trần Văn T phạm tội “Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng”.

[1.1] Áp dụng khoản 3 Điều 224, điểm b khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt Nguyễn Minh V 11 (mười một) năm tù, tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15-3-2019 đến ngày 15/01/2020.

[1.2] Áp dụng khoản 3 Điều 224, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt Trần Văn T 11 (mười một) năm tù, tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, được trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15-3-2019 đến ngày 07-11-2019.

[1.3] Áp dụng khoản 3 Điều 224, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt Trần Văn T 10 (mười) năm tù, tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

[1.4] Áp dụng khoản 3 Điều 224, các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt Nguyễn Duy G 06 (sáu) năm tù, tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

[2] Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 587 của Bộ luật Dân sự,

Buộc các bị cáo Nguyễn Minh V và Trần Văn T phải liên đới bồi thường số tiền 6.649.901.953 (sáu tỷ sáu trăm bốn mươi chín triệu chín trăm lẻ một nghìn chín năm mươi ba) đồng cho Ủy ban nhân dân huyện T. Cụ thể mỗi bị cáo bồi thường số tiền 3.324.950.976,5 (ba tỷ ba trăm hai mươi bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn chín trăm bảy mươi sáu phẩy năm) đồng; trong đó bị cáo Nguyễn Minh V được trừ số tiền 30.000.000 đồng nộp khắc phục hậu quả tại Biên lai số 0001764 ngày 31/8/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông, bị cáo Vũ tiếp tục bồi thường số tiền 3.294.950.976,5 (ba tỷ hai trăm chín mươi bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn chín trăm bảy mươi sáu phẩy năm) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, về án phí hình sự sơ thẩm, về quyền kháng cáo của các bị cáo.

Vào các ngày 08/6/2021 và 15/6/2021, các bị cáo Trần Văn T, Trần Văn T, Nguyễn Minh V kháng cáo kêu oan; bị cáo Nguyễn Duy G kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 17/6/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 2038/QĐ-VKS-P1, kháng nghị một phần bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Trần Văn T; về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo Trần Văn T phải trả lại 6.699.901.953 đồng cho nguyên đơn dân sự là Ban quản lý các dự án huyện T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo trình bày như sau:

1. Bị cáo Nguyễn Minh V: Bản án sơ thẩm quy buộc các bị cáo ký không khối lượng để được thanh toán 6.699.901.953 đồng là không có căn cứ. Trên thực tế, tại thời điểm Kiểm toán Nhà nước vào làm việc thì khối lượng thi công có giá trị khoảng hơn 3 tỷ đồng. Sau khi khởi tố vụ án, đơn vị nhận thầu đã tiếp tục thi công các hạng mục khác có giá trị hơn 3 tỷ đồng. Như vậy, giá trị thi công trên thực tế đã vượt số tiền 6.699.901.953 đồng mà nhà thầu đã được thanh toán. Bị cáo kêu oan.

2. Bị cáo Trần Văn T và bị cáo Trần Văn T: Hai bị cáo thừa nhận có tham gia ký không khối lượng thi công để được thanh toán 6.699.901.953 đồng. Tuy nhiên toàn bộ số tiền này đều được sử dụng để thi công công trình, các bị cáo không chiếm đoạt. Các bị cáo kêu oan.

3. Bị cáo Nguyễn Duy G: Bị cáo chỉ là nhân viên hợp đồng của Ban quản lý dự án. Vai trò của bị cáo trong vụ án rất hạn chế. Bố bị cáo (ông Nguyễn Ngọc Lam) là người có công với nước, được hưởng chế độ như thương binh. Trong đợt dịch covid vừa qua, bị cáo đã ủng hộ cho UBND xã 2.000.000 đồng. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

Tại phiên toà phúc thẩm, trừ bị cáo Giang, các bị cáo Nguyễn Minh V, Trần Văn T, Trần Văn T thừa nhận có tham gia ký vào bảng xác nhận khối lượng, để đơn vị thi công được thanh toán số tiền 6.699.901.953 đồng. Tuy nhiên, các bị cáo cho rằng toàn bộ số tiền này, các bị cáo không chiếm đoạt mà sử dụng vào việc thi công là không có căn cứ để chấp nhận. Với hành vi nêu trên, bản án sơ thẩm đã xét xử 04 bị cáo về tội “Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại khoản 3 Điều 224 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan. Mức án mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là phù hợp.

Đối với bị cáo Thành: Bị cáo Thành là em ruột của bị cáo Thảo. Do bị cáo Thảo không có bằng cấp nên bị cáo Thành đứng tên giám đốc công ty. Mọi hoạt động của công ty đều do bị cáo Thảo quyết định, bị cáo Thành chỉ ký hợp thức các tài liệu, vai trò của bị cáo là hạn chế. Tuy nhiên, xét thấy mức án mà bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo Thành là phù hợp. Kiểm sát viên rút kháng nghị về việc giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo Thành.

Về trách nhiệm bồi thường: Toàn bộ số tiền 6.699.901.953 đồng được chuyển vào tài khoản của bị cáo Thảo và bị cáo Thảo rút ra để sử dụng vào mục đích cá nhân. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, buộc bị cáo Thảo phải bồi thường số tiền nêu trên.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, chấp nhận một phần kháng nghị theo hướng phân tích nêu trên.

* Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh V trình bày như sau:

- Luật sư thống nhất với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông về trách nhiệm bồi thường.

- Về tội danh: Do hồ sơ thiết kế không phù hợp với thực tế thi công, có sai sót về cao độ, nên nhà thầu đã thi công thêm nhiều hạng mục ngoài thiết kế như 05 cống tiêu. Sau thời điểm kiểm toán, nhà thầu đã làm thêm 750m kênh N1 và một số hạng mục khác. Tuy nhiên cơ quan điều tra chưa điều tra làm rõ khối lượng, giá trị phần xây dựng thêm này. Việc cơ quan điều tra không trưng cầu cơ quan giám định ở cấp cao hơn để giám định khối lượng, giá trị công việc là không đúng quy định của pháp luật. Các bị cáo không thực hiện việc nghiệm thu mà đơn giản là chỉ xác nhận khối lượng để được thanh toán. Hành vi xác nhận khối lượng khác với việc nghiệm thu theo điều luật viện dẫn. Đề nghị cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm để điều tra lại vụ án.

Bị cáo Vũ: Thống nhất với đề nghị của Luật sư.

* Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Văn T và Trần Văn T trình bày như sau:

Hai bị cáo đều thừa nhận có ký khống khối lượng để được thanh toán hơn 6 tỷ đồng. Tuy nhiên, Điều 224 không có chỗ nào nêu hành vi thanh toán mà chỉ nêu rõ là hành vi nghiệm thu. Khái niệm nghiệm thu và khái niệm thanh toán là hoàn toàn

khác nhau. Do đó, bản án sơ thẩm xác định các bị cáo thực hiện hành vi nghiệm thu là không đúng. Cấu thành cơ bản của Điều 224 là gây thiệt hại, tức Nhà nước phải mất tiền. Tuy nhiên quá trình điều tra đã không chứng minh được các bị cáo có hành vi chiếm đoạt, mà số tiền này đã được đưa vào xây dựng công trình. Cho đến thời điểm hiện tại công trình chưa được quyết toán nên bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo là không có căn cứ. Đề nghị cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm, tuyên các bị cáo Thành, Thảo không phạm tội và đình chỉ vụ án.

Bị cáo Thảo bổ sung: Kết luận điều tra xác định bị cáo nhận tiền để thi công, nhưng cáo trạng xác định bị cáo nhận tiền rồi chiếm đoạt là mâu thuẫn.

Bị cáo Thành: Thống nhất với đề nghị của Luật sư.

* Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Duy G trình bày như sau:

Bị cáo Giang thừa nhận có ký vào các bảng xác nhận khối lượng, điều này thể hiện bị cáo đã thành khẩn khai báo. Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bố bị cáo được hưởng chế độ như thương binh. Bị cáo là lao động chính trong gia đình, phải nuôi bố mẹ, vợ và 02 người con. Trong đợt dịch covid vừa qua, bị cáo đã tự nguyện ủng hộ 2 triệu đồng. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Giang: Thống nhất với đề nghị của Luật sư.

* Phản đối đáp, Kiểm sát viên và các Luật sư trình bày như sau:

- Kiểm sát viên: Các bị cáo chưa tiến hành thi công nhưng cùng ký không bảng xác nhận khối lượng để được thanh toán thì tội phạm đã hoàn thành. Các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo Giang đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

- Luật sư bào chữa cho các bị cáo Thảo và Thành: Thừa nhận 02 bị cáo ký không khối lượng để được thanh toán là sai, nhưng không cấu thành tội phạm theo Điều 224.

- Luật sư bào chữa cho các bị cáo Vũ: Kết luận giám định chỉ căn cứ các biên bản làm việc ngày 20/12/2018 và ngày 28/12/2018 mà không giám định trực tiếp tại hiện trường là không đúng pháp luật.

* Lời nói sau cùng, các bị cáo phát biểu như sau:

- Các bị cáo Vũ, Thảo và Thành: Đề nghị Hội đồng xét xử minh oan cho các bị cáo.

- Bị cáo Giang: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo, quyết định kháng nghị: Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Minh V, Trần Văn T, Trần Văn T, Nguyễn Duy G và Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 2038/QĐ-VKS-P1, ngày 17/6/2021 của Viện

trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông làm trong hạn luật định nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về việc rút một phần quyết định kháng nghị: Tại phiên toà phúc thẩm, Kiểm sát viên tham gia phiên toà rút phần kháng nghị về việc giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Trần Văn T. Nhận thấy việc rút một phần kháng nghị này có liên quan đến kháng cáo của bị cáo Thành, nên Hội đồng xét xử không đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng nghị đã rút, theo khoản 2 Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Xét kháng cáo kêu oan của các bị cáo Nguyễn Minh V, Trần Văn T, Trần Văn T và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Duy G, nhận thấy:

[3.1] Về việc xác định loại hợp đồng và các văn bản pháp luật điều chỉnh: Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 08/2015/HĐ-XD, về việc thi công hạng mục Kênh tưới và các công trình trên kênh, thuộc gói thầu số 01 công trình thủy lợi Đắk Ngo, huyện T, tỉnh Đắk Nông, ký ngày 22/12/2015 giữa Ban quản lý các dự án huyện T và Liên danh Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại Thành Đạt Tây Nguyên và Công ty TNHH Trí Việt Đắk Nông là hợp đồng trọn gói, được quy định tại điểm b, khoản 1, điểm a, h, khoản 3 Điều 140 Luật Xây dựng năm 2014, điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ, hướng dẫn chi tiết Luật Xây dựng năm 2014. Đây là hợp đồng trọn gói nên việc thanh toán, nghiệm thu đối với hợp đồng này bắt buộc phải được thực hiện theo các quy định tương ứng tại Luật Xây dựng năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

[3.2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo Vũ, Thảo, Thành, Giang và các Luật sư bào chữa cho các bị cáo thừa nhận, ở đợt thanh toán 3 và 4, mặc dù chưa thi công trên thực tế, nhưng các bị cáo đã ký vào bảng xác nhận khối lượng công việc, để được thanh toán 6.699.901.935 đồng. Lời khai này của các bị cáo tại phiên toà phúc thẩm là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các Biên bản làm việc ngày 20/12/2018, ngày 28/12/2018, phù hợp với Văn bản số 627/KV XII-TH ngày 21/12/2018 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực XII, phù hợp với bản Kết luận giám định tư pháp theo vụ việc ngày 30/10/2019 của Giám định viên Phạm Ngọc Oanh.

1. Luật Xây dựng năm 2014 quy định như sau:

- khoản 3 Điều 137 quy định về thanh toán, quyết toán dự án đầu tư xây dựng: *“Thanh toán, quyết toán hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 144 và Điều 147 của Luật này”*;

- khoản 4 Điều 144 quy định về thanh toán hợp đồng xây dựng: *“Đối với hợp đồng trọn gói, việc thanh toán được thực hiện theo tỷ lệ phần trăm giá hợp đồng hoặc giá công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc tương ứng với giai đoạn thanh toán được các bên thỏa thuận trong hợp đồng”*.

2. Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Xây dựng năm 2014 quy định như sau:

- Điều 27 quy định về thanh toán hợp đồng xây dựng: *“Việc tạm ứng, thanh toán, hồ sơ thanh toán hợp đồng xây dựng thực hiện theo các quy định tại Nghị định quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng”*.

3. Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015, hướng dẫn thi hành Luật Xây dựng năm 2014 quy định như sau:

- khoản 5 Điều 19: *“Đối với hợp đồng trọn gói: Thanh toán theo tỷ lệ phần trăm giá hợp đồng hoặc giá công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc tương ứng với các giai đoạn thanh toán mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng, khi thanh toán không đòi hỏi có xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết”*;

- điểm a khoản 1 Điều 20 quy định về hồ sơ thanh toán hợp đồng xây dựng: *“Đối với hợp đồng trọn gói: - Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu; biên bản nghiệm thu khối lượng này là bản xác nhận hoàn thành công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng (đối với hợp đồng thi công xây dựng phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện theo thiết kế; đối với hợp đồng tư vấn phù hợp với nhiệm vụ tư vấn phải thực hiện) mà không cần xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết”*.

4. Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 16/01/2016 của Bộ Tài chính quy định như sau:

- Điều 9 quy định về thanh toán khối lượng hoàn thành: *“1. Đối với các công việc được thực hiện thông qua hợp đồng xây dựng:*

a) Nguyên tắc thanh toán:

Việc thanh toán hợp đồng phải phù hợp với loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng. Số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán, thời hạn thanh toán, hồ sơ thanh toán và điều kiện thanh toán phải được quy định rõ trong hợp đồng. Chủ đầu tư có trách nhiệm tuân thủ các điều kiện áp dụng các loại giá hợp đồng theo quy định hiện hành của nhà nước.

- Đối với hợp đồng trọn gói:

Thanh toán theo tỷ lệ phần trăm giá hợp đồng hoặc giá công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc tương ứng với các giai đoạn thanh toán mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng, khi thanh toán không yêu cầu có xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết”.

So sánh hành vi của các bị cáo với các văn bản pháp luật được áp dụng để điều chỉnh, thấy rằng:

Các bị cáo Vũ và Giang là quyền Giám đốc, cán bộ Ban quản lý các dự án; các bị cáo Thành và Thảo là Giám đốc và Phó giám đốc Công ty Thành Đạt Tây

Nguyên, đều là những người làm công tác quản lý, kinh doanh xây dựng. Hơn ai hết các bị cáo biết rõ các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực mà mình quản lý, thi công. Nhưng vì động cơ muốn được thanh toán khối lượng chưa thi công trên thực tế, các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, vi phạm nghiêm trọng các quy định vừa viện dẫn ở trên, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước gây hậu quả nghiêm trọng. Với các hành vi nêu trên, bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “Vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng”, theo quy định tại Điều 224 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

Các Luật sư bào chữa cho các bị cáo Vũ, Thảo, Thành cho rằng khái niệm “thanh toán” và khái niệm “nghiệm thu” hoàn toàn khác nhau; các hành vi được mô tả tại Điều 224 không có hành vi “thanh toán” nên các bị cáo không phạm tội là không có căn cứ để chấp nhận bởi những nhận định ở trên. Đặc biệt, tại điểm a khoản 1 Điều 20 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015, hướng dẫn thi hành Luật Xây dựng năm 2014 quy định về hồ sơ thanh toán hợp đồng xây dựng quy định rất rõ là: *“Đối với hợp đồng trọn gói: - Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu hoặc đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu; biên bản nghiệm thu khối lượng này là bản xác nhận hoàn thành công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc phù hợp với phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng”*.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Vũ cho rằng bản Kết luận giám định không có giá trị pháp lý là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi, đây là trường hợp giám định trên hồ sơ, tài liệu được thu thập trong quá trình điều tra mà cụ thể là các Biên bản làm việc ngày 20/12/2018 và 28/12/2018; trong đó biên bản làm việc ngày 20/12/2018 được lập tại hiện trường công trình, có tiến hành đo đếm, có đầy đủ chữ ký của chủ đầu tư, nhà thầu, đơn vị giám sát; riêng tại biên bản ngày 28/12/2018, các bên đã thừa nhận, xác định đầy đủ các hạng mục đã thi công, các hạng mục đang thi công và các hạng mục chưa thi công; và quan trọng nhất là xác định đúng các hạng mục chưa thi công ở lần thanh toán 3 và 4.

[3.3] Về khối lượng thực tế thi công:

Căn cứ vào các tài liệu như Biên bản kiểm toán, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Biên bản kiểm tra hiện trường và các tài liệu khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án, cho thấy hồ sơ thiết kế công trình chưa phù hợp nên trên thực tế nhà thầu đã thi công nhiều hạng mục mà hồ sơ thiết kế không có, như về cao độ công trình, về số lượng công... Các hạng mục này mặc dù chưa được điều chỉnh thiết kế, nhưng thực tế đã thi công, được chủ đầu tư, tư vấn giám sát thừa nhận và không phản đối. Mặt khác, sau kiểm toán và sau khi khởi tố vụ án, nhà thầu đã thi công thêm nhiều hạng mục, với khối lượng và giá trị khá lớn, nhưng Cơ quan điều tra không tiến hành giám định, xác định khối lượng, giá trị các hạng mục này, mặc dù đã được Tòa án cấp sơ thẩm trả điều tra bổ sung.

Tại Công văn số 1612/CSĐT-PC03 ngày 06/8/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông cho rằng đơn vị thi công là Công ty Thành Đạt Tây Nguyên không phối hợp để tìm kiếm và thuê đơn vị kiểm định chất lượng. Sau đó, Cơ quan điều tra yêu cầu UBND huyện T tiến hành kiểm định nhưng UBND huyện T cho rằng không có kinh phí. Tại Công văn số 2337/SXDCCGD ngày 25/12/2020 của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Nông xác định Sở không có chức năng và tại địa bàn tỉnh Đắk Nông không có giám định viên giám định về giá trị khối lượng thi công.

Nhận thấy, việc Cơ quan điều tra quyết định trưng cầu giám định bổ sung giá trị xây dựng là có căn cứ. Tuy nhiên việc Cơ quan điều tra có văn bản yêu cầu UBND huyện T tiến hành giám định là không đúng, vì đây là trách nhiệm của Cơ quan điều tra, không phải của UBND huyện T. Việc đơn vị thi công không phối hợp, Cơ quan điều tra vẫn có quyền yêu cầu đơn vị giám định tiến hành giám định. Về kinh phí giám định, Cơ quan điều tra cho rằng không có kinh phí giám định là không có căn cứ để chấp nhận, bởi theo quy định của Bộ luật Tố tụng thì kinh phí phục vụ cho hoạt động điều tra do Nhà nước cấp. Tại địa bàn tỉnh Đắk Nông không có giám định viên giám định giá trị công trình thì Cơ quan điều tra có thể trưng cầu cơ quan giám định ở địa phương khác hoặc ở trung ương.

Mặc dù không tiến hành giám định giá trị khối lượng mà nhà thầu đã thi công trên thực tế, nhưng kết luận điều tra, cáo trạng và bản án sơ thẩm buộc các bị cáo bồi thường đúng số tiền mà nhà thầu đã được thanh toán (hơn 6 tỷ đồng) là không đúng pháp luật, ảnh hưởng đến việc xem xét các tình tiết giảm nhẹ, đặc biệt là về trách nhiệm bồi thường của các bị cáo. Các thiếu sót nêu trên của Cơ quan điều tra đã vi phạm các quy định tại khoản 3 Điều 85, điểm b khoản 1 Điều 210, điểm b khoản 4 Điều 135, khoản 1 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Từ các nhận định nêu trên nhận thấy việc điều tra ở cấp sơ thẩm chưa đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được, như chưa xác định được khối lượng, giá trị xây dựng mà các bị cáo đã thi công ngoài hồ sơ thiết kế, các hạng mục đã thi công sau khi kiểm toán và những hạng mục thi công sau khi khởi tố vụ án.

Do đó, cần huỷ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông để điều tra lại vụ án.

[4] Do huỷ bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét nội dung kháng nghị về trách nhiệm bồi thường.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo Vũ, Thảo, Thành, Giang không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Minh V, Trần Văn T, Trần Văn T và Nguyễn Duy G.

Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2021/HS-ST ngày 04/6/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông điều tra lại vụ án.

[2] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Minh V, Trần Văn T, Trần Văn T và Nguyễn Duy G không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đắk Nông;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Công an tỉnh Đắk Nông;
- Các bị cáo;
- đương sự;
- Lưu (3), 21b (HQ).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Võ Văn Khoa